

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2020/DS-ST
Ngày: 13/5/2020
V/v “Tranh chấp đòi tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Ngô Thị Hà**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Văn Thành**

2. Ông **Võ Văn Cường**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nhan Minh Hoàng** - Thư ký Tòa án nhân dân
huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang: Ông
Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh
Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 13/2020/TLST-DS
ngày 08 tháng 01 năm 2020 về việc “Tranh chấp đòi tài sản” theo Quyết định
đưa vụ án ra xét xử số 28/2020/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2020;
Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2020/QĐST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2020 và
Quyết định hoãn phiên tòa số 35A/2020/QĐST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2020
giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Mã Thị L**, sinh năm 1954 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Mã Minh S, sinh năm 1980 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai, lời khai trong quá trình tố tụng của nguyên đơn Mã Thị L: Bà là cô ruột của anh Mã Minh S, thời gian sống chung vợ chồng anh S và chị Nguyễn Thị T có mượn không lãi suất của bà 07 (bảy) chỉ vàng 24kr 9,9 tuổi và 1.000.000đồng (một triệu đồng). Năm 2018 anh S, chị T ly hôn chưa giải quyết nợ chung, khoản nợ này anh S và chị T có thừa nhận khi giải quyết vụ ly hôn của anh chị tại bản án số 93/2018/HNGĐ-ST ngày 24/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè. Bà L yêu cầu chị T trả 3,5 chỉ vàng 24kr và 500.000đồng. Phần anh S, bà yêu cầu trả tại địa phương, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai của bị đơn Nguyễn Thị T: Chị và anh Mã Minh S đã ly hôn năm 2018. Thời gian chung sống vợ chồng, anh chị có mượn của bà Mã Thị L (cô ruột của anh S) 07 (bảy) chỉ vàng 24kr 9,9 tuổi và 1.000.000đồng (một triệu đồng), không có làm giấy tờ. Sau khi ly hôn đến nay chị và anh S vẫn chưa giải quyết các khoản nợ chung. Chị T đồng ý trả cho bà Liễu 3,5 chỉ vàng 24kr và 500.000đồng nhưng chị yêu cầu anh S phải lo trả nợ cho cha mẹ chị.

Theo bản tự khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Mã Minh S: Anh S thống nhất lời khai, ý kiến yêu cầu của bà L. Trong thời gian sống chung vợ chồng anh và chị T thiếu bà L 07 chỉ vàng 24kr 9,9 tuổi và 1.000.000đồng. Anh S đồng ý với yêu cầu của bà L, khoản nợ chung này anh và chị T mỗi người trả 1/2. Anh S sẽ trả bà L tại địa phương. Với yêu cầu của bà L đòi chị T trả 3,5 chỉ vàng 24kr và 500.000đồng anh S không ý kiến gì.

Tại phiên tòa, nguyên đơn Mã Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn Nguyễn Thị T vắng mặt không lý do; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Mã Minh S có đơn xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến kiểm sát và quan điểm về việc giải quyết nội dung vụ án:

+ Về chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng với bị đơn Nguyễn Thị T không chấp hành các giấy triệu tập của Tòa án.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Nguyễn Thị T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Mã Minh S đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh S có đơn xin vắng mặt, chị T vắng mặt không lý do nhưng có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự có tên nêu trên.

[2] Về quan hệ tranh chấp: “Tranh chấp đòi tài sản”.

[3] Về nội dung vụ án: Trong thời gian sống chung vợ chồng anh Mã Minh S và chị Nguyễn Thị T mượn không lãi suất 07 chỉ vàng 24kr 9,9 tuổi và 1.000.000đồng của bà Mã Thị L (cô ruột của anh S). Năm 2018 anh S, chị T ly hôn chưa giải quyết nợ chung, khoản nợ này anh S và chị T có thừa nhận khi giải quyết vụ ly hôn của anh chị tại bản án số 93/2018/HNGĐ-ST ngày 24/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè. Đến nay chị T, anh S chưa trả cho bà L bao nhiêu cả.

Bà L yêu cầu chị T, anh S mỗi người trả 1/2, phần anh S trả tại địa phương, chị T trả 3,5 chỉ vàng 24kr và 500.000đồng. Yêu cầu của bà L là có cơ sở, bởi lẽ chị T và anh S đều thừa nhận nợ bà L nhưng thời gian qua không có thiện chí trả trễ kéo dài gây thiệt thòi đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà L. Xét yêu cầu của bà L phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Chị T cho rằng anh S còn nợ cha mẹ của chị, khi nào anh S trả nợ cho cha mẹ của chị thì chị trả nợ cho bà L. Xét lời khai nại của chị T là không thể chấp nhận được, nếu có căn cứ anh S nợ cha mẹ của chị T thì cha mẹ của chị khởi kiện anh S bằng một vụ kiện khác.

Phần anh S nợ, bà L cho trả tại địa phương, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không cần ra xem xét.

Giá vàng thời điểm xét xử 4.500.000đ/1chỉ 24kr 9,9 tuổi để tính án phí.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét lời đề nghị của vị kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 166, 468 Bộ luật Dân sự;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Mã Thị L.

Buộc chị Nguyễn Thị T phải trả cho bà Liễu 3,5 chỉ (ba chỉ năm phân) vàng 24kr 9,9 tuổi và 500.000đồng (năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chị T chậm thi hành án đối với khoản tiền thì còn sẽ phải chịu thêm khoản lãi suất tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án, mức lãi suất do hai bên tự thỏa thuận theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

- Chị T phải chịu 812.500đồng (tám trăm mười hai nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho bà L 410.000đồng (bốn trăm mười nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà đã nộp theo biên lai thu số 0002965 ngày 08 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Riêng đối với các đương sự vắng mặt thì thời hạn nêu trên được tính kể từ ngày tổng án đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

NGÔ THỊ HÀ